



què chǎng

榷场

noun · trading market (in ancient China)

Example Sentence

sòng cháo zài biān jìng shè lì què chǎng yǔ liáo guó jìn xíng mào yì
宋朝在边境设立榷场，与辽国进行贸易。

The Song Dynasty set up trading markets at the border to trade with the Liao Kingdom.

Trace each character, then write the word on your own.

榷	榷	榷	榷	榷	榷	榷	榷	榷	榷	榷
榷	榷	榷	榷	榷	榷					
场	场	场	场	场	场	场	场	场		